

Bản án số: 1175/2024/HS-PT
Ngày 17 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Ngô Mạnh Cường

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nối – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Long – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 1090/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Dương Văn T, do có kháng cáo của bị cáo Dương Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 214/2024/HS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1134/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024.

- Bị cáo có kháng cáo: **Dương Văn T**, sinh ngày 19/9/1981 tại Thanh Hóa. Nơi thường trú: Thôn H, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Như trên; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng, thu hồi nợ, tìm kiếm khách hàng Công ty C1; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Dương Văn T1, sinh năm 1941 và bà: Dương Thị B, sinh năm: 1946; gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; Vợ tên Lê Thị Hà T2, sinh năm 1996, có 03 con lớn sinh năm 2017 nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 15/3/2024 trong vụ án khác, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ; (có mặt).

- Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo Dương Văn T: Luật sư Nguyễn Văn T3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; (có mặt).

- Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị hại là Công ty TNHH C2 và những người làm chứng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH C1, địa chỉ Lô A, đường C, Khu công nghiệp G, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3601045297 ngày 11/9/2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02/3/2023 - Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất hóa chất F và keo dành cho ngành gỗ, ván công nghiệp - Người đại diện pháp luật là ông Ok Yuong B1, sinh năm 1956, địa chỉ: A khu phố G, P, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 123, 124).

Dương Văn T làm việc tại Công ty TNHH C2 từ năm 2013 (có hợp đồng lao động). Nhiệm vụ được giao: bán hàng, thu hồi công nợ và tìm kiếm khách hàng mới.

Quy trình bán hàng, thu hồi công nợ và nộp tiền công nợ về công ty được thực hiện như sau: Dương Văn T đến gặp khách hàng giới thiệu và bán các sản phẩm hóa chất Formalin, keo dán gỗ do Công ty C2 sản xuất; thu tiền bán hàng và thu tiền công nợ của khách hàng nộp về công ty. Nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt thì T nhận trực tiếp và sau đó nộp về Kế toán Công ty C2; nếu khách hàng chuyển khoản thanh toán công nợ thì khách hàng chuyển khoản trực tiếp vào Tài khoản số 23807338897 của Công ty C2 mở tại Ngân hàng S hoặc tài khoản của Công ty C2 mở tại Ngân hàng V.

Từ cuối năm 2018, lợi dụng quyền hạn được giao, Dương Văn T có hành vi chiếm đoạt số tiền công nợ mà các khách hàng thanh toán cho Công ty C2, cụ thể:

- Công ty TNHH MTV P1, địa chỉ số G, khu phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1956, địa chỉ số G, khu phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 02/01/2015, Công ty TNHH C2 đã ký Hợp đồng nguyên tắc về việc bán sản phẩm FORMALIN cho Công ty TNHH MTV P1. Phương thức thanh toán tiền hàng được quy định trong hợp đồng là bên mua (Công ty TNHH MTV P1) thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (nếu chuyển khoản thì bên mua chịu phí ngân hàng).

Cuối năm 2018, khi được Công ty C2 giao nhiệm vụ thu hồi công nợ, Dương Văn T đã đến gặp ông Nguyễn Văn P – Giám đốc Công ty P1 để thu hồi công nợ mà Công ty TNHH MTV P1 chưa thanh toán cho Công ty C2 tính đến ngày 31/12/2018 là 215.501.566 đồng (hai trăm mười lăm triệu năm trăm lẻ một nghìn năm trăm sáu mươi sáu đồng). Ông P đã thanh toán tiền công nợ trên bằng tiền mặt cho Dương Văn T tổng cộng 04 lần, với tổng số tiền 205.502.000 đồng (hai trăm lẻ năm triệu năm trăm lẻ hai nghìn đồng). Sau khi nhận tiền, Dương

Văn T không nộp tiền thu hồi công nợ trên về Công ty C2 theo quy định mà chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Công ty TNHH MTV L1, địa chỉ số I, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – Người đại diện theo pháp luật là ông Phùng Duy N, sinh năm 1971, địa chỉ số B khu phố E phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 25/6/2017, Công ty TNHH C2 đã ký Hợp đồng nguyên tắc về việc bán sản phẩm Keo Urea F1 cho Công ty L1. Nội dung thỏa thuận hợp đồng: Công ty L1 thỏa thuận với Công ty C2 là nhận hàng trước để phục vụ sản xuất rồi mới thanh toán tiền hàng sau. Phương thức thanh toán tiền hàng được quy định trong hợp đồng là bên mua thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (nếu chuyển khoản thì bên mua chịu phí ngân hàng).

Từ ngày 25/6/2017 đến ngày 17/11/2018, Công ty L1 đã mua sản phẩm hoá chất Formalin, keo dán gỗ của Công ty C2 với tổng giá trị là 425.479.996 đồng (bốn trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng), chưa thanh toán tiền cho Công ty C2. Cuối năm 2018, Dương Văn T đến gặp ông Phùng Duy N – Giám đốc Công ty TNHH MTV L1 và bà Phạm Thị L (vợ ông Phùng Duy N) để thu hồi tiền công nợ trên. Dương Văn T yêu cầu ông N, bà L thanh toán tiền công nợ trên bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của T mở tại Ngân hàng A. Ông Phùng Duy N đã 03 lần giao tiền mặt cho T với tổng số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) và bà L đã 03 lần chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của T số 250199799 mở tại Ngân hàng A với tổng số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), tổng số tiền ông N và bà L đã giao cho T để trả tiền công nợ của Công ty L1 với Công ty C2 là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền, Dương Văn T không nộp tiền thu hồi công nợ trên về Công ty C2 theo quy định mà chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Cơ sở L1, địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai do ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1983, địa chỉ 601, khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Phạm Duy T4, sinh năm 1983, địa chỉ số A đường số A, Khu dân cư Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ.

Tháng 6/2019, Dương Văn T đến Cơ sở L1 gặp ông Nguyễn Quốc H giới thiệu bán các sản phẩm keo dán gỗ do Công ty C2 sản xuất. Theo thỏa thuận giữa ông Nguyễn Quốc H với Dương Văn T là Cơ sở L1 nhận hàng trước, thanh toán sau theo công nợ; thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (chuyển vào tài khoản của Công ty C2 hoặc tài khoản cá nhân của Dương Văn T mở tại Ngân hàng A). Từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019, thông qua Dương Văn T giới thiệu, Cơ sở Việt Nhật đã mua các sản phẩm keo dán gỗ do Công ty C2 sản xuất có tổng giá trị 856.800.000 đồng (tám trăm năm mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng); số tiền này, ông Phạm Duy T4 đã thanh toán cho Công ty C2 bằng cách chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của Dương Văn T số 250199799 mở tại Ngân hàng A. Sau khi nhận được tiền, Dương Văn T không nộp tiền thu hồi công nợ trên về Công ty C2 theo quy định mà chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tổng số tiền Dương Văn T đã thu hồi công nợ từ Công ty TNHH MTV P1, Công ty TNHH MTV L1 và chiếm đoạt không nộp về Công ty C2 là

1.242.302.000 đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu ba trăm lẻ hai nghìn đồng).

Ngoài hành vi trên, quá trình điều tra, Dương Văn T còn khai: T đã chiếm đoạt tiền của Công ty C2 thông qua việc thu hồi công nợ của các công ty sau:

- Công ty TNHH MTV S1, địa chỉ số A, tổ C, khu phố D, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Công ty TNHH MTV S1 là khách hàng cũ của Công ty TNHH C2, công nợ chưa thanh toán là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Sau khi được giao nhiệm vụ thu hồi công nợ, Dương Văn T đã đến Công ty TNHH MTV S1 gặp ông Phạm Văn C – Giám đốc để yêu cầu thanh toán tiền công nợ trên; ông C đã thanh toán bằng tiền mặt cho T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Sau khi nhận được tiền công nợ, Dương Văn T không nộp về Công ty C2 theo quy định mà chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Kết quả xác minh, làm việc với ông Ok Yuong B1 – Tổng Giám đốc Công ty C2, xác định: Công ty TNHH MTV S1 còn thiếu nợ tiền hàng chưa thanh toán cho Công ty C2 tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 23/01/2024 là 93.879.287 đồng (chín mươi ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng). Kết quả xác minh tại Công an phường B, xác định: Hiện nay, Công ty TNHH MTV S1, địa chỉ trụ sở: Số A, tổ C, khu phố D, phường B, thành phố B, Đồng Nai không còn hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn phường B, thành phố B; ông Phạm Văn C – Giám đốc Công ty TNHH MTV S1 không có sinh sống tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì. Với kết quả điều tra như trên, chưa đủ căn cứ để xác định Dương Văn T đã thu hồi và chiếm đoạt số tiền công nợ trên của Công ty C2.

- Công ty TNHH S2, địa chỉ A ấp A, đường C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH S2 là khách hàng do Dương Văn T tìm và giới thiệu bán các sản phẩm do Công ty C2 sản xuất. Công ty TNHH S2 còn thiếu nợ tiền hàng chưa thanh toán cho Công ty C2 tính từ ngày 11/02/2017 đến ngày 31/12/2023 là 108.480.029 đồng (một trăm lẻ tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn không trăm hai mươi chín đồng). Dương Văn T đã nhiều lần liên hệ ông Q (không rõ họ tên, địa chỉ) – Giám đốc Công ty S2 yêu cầu thanh toán công nợ, ông Q đã trả số tiền công nợ là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Sau khi nhận tiền, Dương Văn T không nộp về Công ty C2 theo quy định mà chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Kết quả xác minh, làm việc với ông Ok Yuong B1 – Tổng Giám đốc Công ty C2, xác định: Công ty TNHH S2 còn thiếu nợ tiền hàng chưa thanh toán cho Công ty C2 tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 23/01/2024 là 108.480.029 đồng (một trăm lẻ tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn không trăm hai mươi chín đồng). Kết quả xác minh tại Công an xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Hiện nay, Công ty TNHH S2, địa chỉ: A ấp A, đường C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, không còn hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Với kết quả điều tra như trên, chưa

đủ căn cứ để xác định Dương Văn T đã thu hồi và chiếm đoạt số tiền công nợ trên của Công ty C2.

Cáo trạng số 194/CT-VKS-P1 ngày 04/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 215/2024/HS-ST ngày 26/9/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội “Tham ô tài sản”.
2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.
3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Văn T 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2024.
4. Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Dương Văn T bồi thường cho Công ty TNHH C2 số tiền 1.220.381.000 đồng (một tỷ hai trăm hai mươi triệu ba trăm tám mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai nhận được đơn kháng cáo của bị cáo Dương Văn T đề ngày 30/9/2024, bị cáo kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Văn T vẫn giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo xin xem xét lại tội danh vì theo hợp đồng thì nhiệm vụ bị cáo bán hàng, nhân viên kinh doanh thì phương thức bán hàng có thể thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản; bị cáo có nhận tiền thanh toán của khách hàng không nộp về cho Công ty M sử dụng cho cá nhân, trong hợp đồng không có nhiệm vụ thu hồi nợ nên hành vi của bị cáo chỉ là lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, bị cáo xin xét giảm nhẹ hình phạt do gia cảnh khó khăn, con nhỏ, đông con, bị cáo có khắc phục một phần hậu quả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định bị cáo T có nhiệm vụ được giao là thu hồi công nợ nhưng khi nhận được tiền bán hàng thì không giao nộp về Công ty mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân 1.242.302.000 đồng, số tiền này bị cáo có trách nhiệm quản lý, án sơ thẩm tuyên bị cáo T phạm tội “Tham ô tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật; đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và bị cáo phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên mức án 20 năm tù với bị cáo là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo và giữ y bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: Thống nhất tội danh theo án sơ thẩm nhưng về mức hình phạt đối với bị cáo 20 năm tù là quá nghiêm khắc, số tiền chiếm đoạt bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả gần 100 triệu đồng đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Dương Văn T được thực hiện trong thời hạn luật định nên được chấp nhận và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo Dương Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội cụ thể: Dương Văn T là nhân viên làm việc tại Công ty TNHH C2, địa chỉ Lô A, đường C, Khu công nghiệp G, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nhiệm vụ được giao là tìm kiếm khách hàng mới, bán hàng và thu hồi công nợ. Trong khoảng thời gian từ ngày 01/12/2018 đến tháng 3/2020, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là thu hồi công nợ, Dương Văn T đã thu hồi công nợ của 03 công ty gồm: Công ty P1, Công ty TNHH MTV L1 với tổng số tiền là 1.242.302.000 đồng, T không nộp về Công ty C2 theo quy định mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo T lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt số tiền 1.242.302.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng chỉ phạm tội lạm dụng là không có cơ sở vì thực tế bị cáo được giao nhiệm vụ thu hồi nợ, thừa nhận trách nhiệm quản lý số tiền khách hàng trả nhưng đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân, do đó cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội theo tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo Dương Văn T xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo T phạm tội theo khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù “từ 20 năm đến, tù chung thân hoặc tử hình” cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, chưa tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện đang nuôi 01 người con bị khuyết tật; gia đình bị cáo có công với cách mạng, cha mẹ bị cáo đều tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân huy chương, tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền bị hại yêu cầu được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo 20 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt, bị cáo T phạm tội chiếm đoạt tài sản trên 1,2 tỷ đồng nhưng việc khắc phục hậu quả thiệt hại là không đáng kể, tại cấp phúc thẩm bị cáo T không có tình tiết

giảm nhẹ mới, không đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cũng không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Với mức hình phạt cấp sơ thẩm tuyên là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, phù hợp luật định cần giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và giáo dục, cải tạo bị cáo, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Văn T và quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về việc bác kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Bị cáo Dương Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Văn T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 215/2024/HS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, cụ thể tuyên:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội “Tham ô tài sản”;

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Văn T 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

3. Bị cáo Dương Văn T phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) sung quỹ nhà nước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Lưu HSVA, VTLT, (18b-TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh